

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T M
TỈNH H D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 20/5/2022.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T M, TỈNH H D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Quốc Quỳ

2. Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh H D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M, tỉnh H D tham gia phiên tòa: Bà **An Thị Hà Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 21/12/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 18/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SCB).

Địa chỉ: Số 266-268, N K K N, Phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N Đ T D - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền C bà Diễm: Bà V T T N - chức vụ Giám đốc chi nhánh H D.

Người đại diện theo ủy quyền C bà Nga: Ông N C T - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro - chi nhánh H D.

(Ông Toại có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Bà V T L, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn L C, xã L H, huyện T M, tỉnh H D.

Vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông N VC - sinh năm 1971.

+ Bà Phạm Thị H - sinh năm 1981.

+ Bà Bùi Thị T - sinh năm 1945.

+ Cháu Nguyễn Ngọc N - sinh năm 2011

(Bà T đại diện cho cháu N).

Địa chỉ đều ở: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh C.

+ UBND xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân Luân - chủ tịch UBND xã.

(Ông Luân vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện ngân hàng SCB trình bày:

Trong 02 năm 2016 và 2017, anh Vũ Văn Khiên và chị V T L có ký 03 hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín gọi tắt là (SCB) lần lượt là:

Hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016, anh Khiên chị Lữ vay số tiền 250.000.000đ; mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi lợn, thời điểm nhận tiền vay ngày 28/5/2016; thời hạn vay 36 tháng (đến ngày 29/4/2019); lãi suất 06 tháng đầu là 9%/năm; Tại thời điểm từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3% và được SCB điều chỉnh 03 tháng/lần. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng 25 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5% được SCB điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Kỳ trả nợ là 06 tháng một lần (gốc, lãi một lần vào ngày 25) thời điểm phải trả hết nợ là ngày 29/4/2019. Thực hiện hợp đồng này, anh Khiên chị Lữ đã trả được cho Ngân hàng đến ngày 25/4/2018 là 125.002.000đ tiền gốc, đến ngày 25/10/2018 trả tiếp được 4.892.000đ. Tính đến ngày **20/5/2022**, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 120,002,000đ, lãi trong hạn là 62.585.299đ, Lãi quá hạn 24.634.509đ. Tổng là **207.221.808đ**

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng này anh Khiên, chị Lữ (bên vay) đã sử dụng T sản là quyền sử dụng đất, T sản có trên đất C anh N VC, Phạm Thị H (bên thế chấp) cùng thống nhất lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1612000107/A ngày 29/4/2016 tại thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M.

Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 200.000.000đ; mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi lợn, thời hạn vay 60 tháng (đến ngày 18/11/2021); lãi suất 06 tháng đầu là 9%/năm; Tại thời

điểm từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3% và được SCB điều chỉnh 03 tháng/lần. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng 25 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5% được SCB điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Việc trả nợ được chia làm Nều kỳ trả nợ cụ thể là 20 kỳ theo quý, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/02/2017, số tiền mỗi kỳ trả nợ là 10.000.000đ, kỳ trả lãi vào ngày 25 hàng quý. Thực hiện hợp đồng này, anh Khiên chị Lữ đã trả được cho Ngân hàng đến ngày 30/11/2018 là 65.000.000đ tiền gốc. Tính đến ngày 20/5/2022, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 61.785.403đ, lãi quá hạn là 17.412.722đ. Tổng hợp đồng LD1632300198 anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **209.198.125đ**.

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, anh Khiên, chị Lữ đã thế chấp quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng thế chấp số **LD1632300198/A** ký ngày 18/11/2016 (hợp đồng này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M) tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là ông N VKhiên và bà V T L.

Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 100.000.000đ; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh chăn nuôi lợn, thời hạn vay 60 tháng (đến ngày 10/8/2022); lãi xuất 06 tháng đầu là 9,8%/năm; Tại thời điểm từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3% và được SCB điều chỉnh 03 tháng/lần. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng 25 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất C toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ C SCB công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5% được SCB điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Việc trả nợ được chia làm Nều kỳ trả nợ cụ thể là 20 kỳ theo quý, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/11/2017, số tiền mỗi kỳ trả nợ là 5.000.000đ, kỳ trả lãi vào ngày 25 hàng quý. Thực hiện hợp đồng này, anh Khiên chị Lữ đã trả được cho Ngân hàng đến ngày 11/10/2018 là 15.000.000đ tiền gốc. Tính đến ngày 20/5/2022, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng hợp đồng **LD1722200198** anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **133.856.167đ**.

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, anh Khiên, chị Lữ, anh C, chị H đã ký thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày

10/8/2017 tiếp dụng dùng T sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là ông N VKhiên và bà V T L và Quyền sử dụng đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn chủ sở hữu anh N VC, chị Phạm Thị H để đảm bảo thêm cho khoản vay 100.000.000đ (việc bổ sung thế chấp các bên chỉ lập văn bản và được chứng thực tại Văn phòng công chứng huyện T M, không được đăng ký giao dịch bảo đảm bổ sung tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M).

Tại phiên tòa đại diện ngân hàng SCB yêu cầu chị Lữ có trách Nệm trả cho ngân hàng tổng số nợ C ba hợp đồng gồm: Tiền gốc 335.002.000đ, lãi trong hạn là 164.240.140đ, lãi quá hạn 51.033.961đ. **Tổng 550.276.100đ.**

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình làm việc, xác minh C Tòa án, bị đơn chị V T L trình bày chị và anh N VKhiên đã vay C ngân hàng SCB chi Nhánh huyện T M với 03 hợp đồng tín dụng mục đích để bổ sung vốn trần nuôi lợn gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016, vay số tiền 250.000.000đ. Tính đến ngày 25/4/2018 anh chị đã trả cho ngân hàng 125.002.000đ tiền gốc, đến ngày 25/10/2018 trả tiếp được 4.892.000đ. Tính đến ngày 20/5/2022. Chị còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 120,002,000đ, lãi trong hạn là 62.585.299đ, Lãi quá hạn 24.634.509đ. Tổng là **207.221.808đ**. Đảm bảo thực hiện hợp đồng này anh Khiên, chị Lữ đã đề nghị anh C, chị H (là anh trai C anh Khiên) đồng ý để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn chủ sở hữu anh N VC và chị Phạm Thị H, việc thế chấp được lập thành hợp đồng và được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng huyện T M đồng thời hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M.

Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 200.000.000đ; Tính đến ngày 20/5/2022, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 61.785.403đ, lãi quá hạn là 17.412.722đ. Tổng hợp đồng LD1632300198 anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **209.198.125 đ**. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng này đồng anh Khiên, chị Lữ đã thống nhất với Ngân hàng SCB ký hợp đồng thế chấp số **LD1632300198/A** ký ngày 18/11/2016 tại Văn phòng Công chứng huyện T M (hợp đồng này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M) tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là ông N VKhiên và bà V T L.

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 100.000.000đ, Tính đến ngày 20/5/2022, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng hợp đồng **LD1722200198** anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **133.856.167đ**. Để đảm bảo hợp đồng này anh Khiên, chị Lữ cùng với anh C, chị H đã ký bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp dùng T sản là quyền sử dụng đất C anh Khiên, chị Lữ vừa bảo đảm thực hiện cho hợp đồng LD 16322300198 ký ngày 18/11/2016 và bảo đảm cho hợp đồng **LD1722200198**, ký ngày 08/8/2017; Quyền sử dụng đất C anh C, chị H vừa bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng LD1612000107, ký ngày 29/4/2016 vừa bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng **LD1722200198**, ký ngày 08/8/2017 (việc bổ sung hợp đồng thế chấp được thực hiện tại Văn phòng công chứng và được công chứng, chứng thực). Về các nội dung như thời hạn trả nợ, kỳ trả lãi, lãi xuất...như đại diện ngân hàng SCB trình bày chị Lữ xác định là đúng. Hiện tại anh Khiên đã chết chị sẽ có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng SCB.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình làm việc tại Tòa án, tại phiên tòa anh N VC, chị Phạm Thị H xác định có sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn Thuộc quyền sở hữu C mình để cho anh N VKhiên, chị V T L đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng SCB chi nhánh huyện T M, anh N VC và chị Phạm Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1612000107/A ngày 29/4/2016 đảm bảo cho khoản vay 250.000.000đ C anh Khiên, chị Lữ và ký bổ sung hợp đồng thế chấp cũng sử dụng thửa đất trên đảm bảo cho khoản vay 100.000.000đ ký ngày 08/08/2017. Tại Phiên tòa chị H xác định không đồng ý việc Ngân hàng SCB phát mại T sản là quyền sử dụng đất C anh chị trong trường hợp chị Lữ không trả được nợ, anh chị cho rằng chị Lữ, anh Khiên là người vay tiền, sử dụng tiền hiện tại anh Khiên đã chết chị Lữ phải có trách Nệm trả số tiền trên, anh chị không được sử dụng số tiền vay do vậy anh chị không có trách Nệm phải trả đồng thời cũng không đồng ý việc Ngân hàng Sacombank đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại T sản là quyền sử dụng đất và T sản có trên đất C chị và anh C khi chị Lữ không trả được nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày: Bà là mẹ C anh N VKhiên, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, đứng tên anh N VKhiên và bà V T L có nguồn gốc là T sản chung C bà và ông N VNều, ông Nều chết năm 2008, bà chưa sang tên đất cho anh Khiên, việc anh Khiên sang tên đất từ khi nào bà không biết, sau khi anh Khiên tự ý sang tên đất đã sát nhập vào T sản chung với chị Lữ bà cũng không biết, bà xác định chữ ký C bà trong đơn xin chuyển nhượng, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, bản cam đoan cho anh Khiên là

chữ ký C bà, chữ ký C anh N VCăn, chị Nguyễn Thị Ngan trong văn bản từ chối nhận di sản là đúng. Tuy Nên bà xác định mẹ con bà chưa xuống UBND xã Đ K lần nào để ký các văn bản nói trên.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện T M đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các T sản bảo đảm là quyền sử dụng đất C anh Khiên, chị Lữ (bà T, cháu N đang ở) và quyền sử dụng đất C anh N VC và chị Phạm Thị H. Tuy Nên anh C, bà T không hợp tác và không cho Tòa án tiến hành đo đạc. Dựa trên các T liệu chứng cứ như bản đồ 2008, qua quan sát thực tế Tòa án nhân dân huyện T M đã lập biên bản xem xét thẩm định, phác họa T sản có trên các thửa đất thế chấp để giải quyết vụ án theo quy định C pháp luật.

Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định quá trình sử dụng đất hộ bà T, anh C và chị H có lần chiếm vào diện tích đất C tập thể, địa phương có quan điểm nếu thực hiện việc phát mại T sản để đảm bảo các khoản vay Ngân hàng SCB thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại diện tích T sản có trên đất trong phạm vi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được nhà nước công nhận. Về thủ tục chuyển thừa kế quyền sử dụng đất từ ông N VNên sang cho anh N VKhiên được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục C pháp luật và được thực hiện tại UBND xã Đ K (những người hàng thừa kế C ông Nêu đã từ chối nhận di sản chuyển toàn bộ cho bà T sở hữu sau đó bà T đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Khiên là hoàn toàn phù hợp, các T liệu được lưu giữ tại xã Đ K bà T và những người thừa kế khác (các con C bà T) đều ký trực tiếp và không bị lừa dối, ép buộc.

Qua xác minh với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M xác định: Trình tự thủ tục chuyển thừa kế C ông Nêu sang cho bà T và thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà T sang cho anh Khiên. Sau khi anh Khiên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã kết hôn với chị V T L, anh Khiên làm thủ tục sát nhập quyền sử dụng đất C mình thành T sản chung C vợ chồng là hoàn toàn đúng với quy định C pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát phát nhân dân huyện T M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng C Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS
- Điều 117; Điều 119; Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 299; khoản 3 Điều 318; khoản 6 Điều 320; khoản 4 Điều 323; khoản 1 Điều 325; khoản 1 Điều 357; Điều 466, Điều 615, Điều 658 BLDS năm 2015;

- Khoản 3 Điều 12 Nghị định 83 năm 2010 về đăng ký biện pháp bảo đảm, khoản 6 Điều 18, khoản 3 Điều 23 Nghị định 102/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm

- Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu chị V T L thanh toán số tiền nợ gốc là tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/5/2022 là 546.284.129 đồng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng LD 1612000107 ký ngày 29/4/2016: Nợ gốc: 120.002.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 62.585.299 đồng, nợ lãi quá hạn: 24.634.509 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng LD 1632300198 ký ngày 18/11/2016: Nợ gốc: 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 61.785.403 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.412.722 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng LD 1722200198 ký ngày 10/8/2017: Nợ gốc: 85.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 39.869.438 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.986.729 đồng.

Trong vụ án này, chị Lữ không yêu cầu các hàng thừa kế thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, do đó chị Lữ có trách Nệm trả toàn bộ số nợ đối với Ngân hàng và có quyền yêu cầu đối với hàng thừa kế thứ nhất là bà T, cháu N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi di sản để lại trong vụ án khác.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi chị V T L thực tế thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp chị V T L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì kê biên, phát mại T sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích đất và T sản gắn liền với đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ 05, ở xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D, diện tích 200m² đất ở, chủ sở hữu là anh N VC, chị Phạm Thị H và tại thửa số 23, tờ bản đồ số 21, ở thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D, diện tích 332m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là anh Khiên, chị Lữ theo quy định C pháp luật. Nếu số tiền thu được không đủ để thanh toán thì chị V T L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại cho ngân hàng SCB.

* Không chấp nhận yêu cầu C ngân hàng SCB đối với yêu cầu phát mãi quyền sử dụng 02 diện tích đất mang tên anh Khiên chị Lữ và anh C chị H là T sản bảo đảm cho khoản vay C hợp đồng tín dụng LD 1722200198 ký ngày 10/8/2017.

*** Về án phí**

- Chị V T L phải chịu 20.000.000 đồng + 4% (550.276.100-400.000.000) = 26.011.044 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH C TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần SCB khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị V T L có HKTT: Thôn L C, xã L H, huyện T M, tỉnh H D thuộc thẩm quyền giải quyết C Toà án nhân dân huyện T M, tỉnh H D theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, cháu Nguyễn Ngọc N do bà T là người đại diện có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên toà, anh N VC vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ chị Vũ Thị Lữ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacobank) do bà N Đ T D đại diện theo pháp luật có đầy đủ tư cách pháp nhân, được hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng và có quyền cho các tổ chức, cá nhân vay vốn thông qua các hợp đồng tín dụng; Bị đơn chị Vũ Thị Lữ có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Hai bên hoàn toàn tự nguyện xác lập 03 hợp đồng tín dụng gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016, vay số tiền 250.000.000đ. Tính đến ngày 25/4/2018 anh chị đã trả cho ngân hàng 125.002.000đ tiền gốc, đến ngày 25/10/2018 trả tiếp được 4.892.000đ. Tính đến ngày 20/5/2022, số tiền nợ gốc là 120,002,000đ, lãi trong hạn là 62.585.299đ, Lãi quá hạn 24.634.509đ. Tổng là **207.221.808đ**

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 200.000.000đ; đến ngày 30/11/2018 là 65.000.000đ tiền gốc. Tính đến ngày 20/5/2022 số tiền gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 61.785.403đ, lãi quá hạn là 17.412.722đ. Tổng hợp đồng LD1632300198 anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **209.198.125 đ**.

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017 anh Khiên chị Lữ vay số tiền 100.000.000đ, Tính đến ngày 20/5/2022, anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB số tiền gốc số là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng hợp đồng **LD1722200198** anh Khiên, chị Lữ còn nợ ngân hàng SCB là **133.856.167đ**

Việc thoả thuận hạn mức cho vay, thời gian trả nợ, lãi suất, lãi quá hạn phù hợp với quy định C luật các tổ chức tín dụng, hình thức C ba hợp đồng đúng

với quy định C pháp luật được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký C các bên, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ việc giải ngân, phía bị đơn đã nhận tiền (thực hiện toàn bộ hợp đồng) và thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, 03 hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín đối với chị V T L anh N VKhiên phát sinh hiệu lực C hợp đồng tín dụng, anh Khiên, chị Lữ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; như vậy, có đủ căn cứ xác định nghĩa vụ C C anh Khiên, chị Lữ tính đến ngày 20/5/2022 phải có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016: Nợ gốc là 120.002.000đ, lãi trong hạn 62.585.299đ, lãi quá hạn 24.634.509đ. Tổng là **207.221.808đ**

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016; Số tiền gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 61.785.403đ, lãi quá hạn là 17.412.722đ. Tổng là **209.198.125 đ.**

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017; Số tiền gốc số là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng là **133.856.167đ**

Tổng 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20/5/2022: gồm Số tiền gốc 335.002.000đ, lãi trong hạn 164.240,140đ, lãi quá hạn 51.033.961đ. Tổng **550.276.100đ.**

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

-Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ C người khác số LD 1612000107/A ngày 29/4/2016, Anh N VC và chị Phạm Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 15 tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: xã Đ K, huyện T M, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh H D), diện tích 200m² và T sản có trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 82911 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 250/QSDĐ ngày 30/12/1996 mang tên N VC để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng giữa anh N VKhiên, chị V T L với ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín LD 1612000107 ngày 29/4/2016, anh Khiên chị Lữ vay 250.000.000đ tiền gốc. Mặc dù trong hợp đồng thế chấp chỉ thể hiện thế chấp quyền sử dụng đất không thể hiện T sản trên đất nhưng trong hợp đồng tín dụng anh C, chị H cùng ký đã thể hiện đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và T sản có trên đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập tại văn phòng công chứng huyện T M, lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký C các bên, và được văn phòng công chứng chứng thực, nội dung hợp đồng thế chấp đúng theo quy định C C Bộ luật dân sự. Do vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất C anh C, chị H đảm bảo cho khoản vay C anh Khiên, chị Lữ phát sinh hiệu lực. Trường hợp chị Lữ không thanh toán được khoản vay theo hợp đồng tín dụng LD 1612000107 ngày 29/4/2016 thì ngân hàng TMCP SCB có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại quyền sử dụng đất và

T sản gắn liền với đất C anh C, chị H để đảm bảo việc thanh toán cho ngân hàng SCB.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **LD1632300198/A**, ký ngày 18/11/2016, anh N VKhiên, chị V T L dùng T sản thuộc quyền sở hữu C mình là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất: Thôn Thủ pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332 m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 32 m² đất trồng cây lâu năm) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 444743 ngày 04/11/2016 mang tên N VKhiên và V T L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được thực hiện tại phòng công chứng huyện T M, được lập thành văn bản, nội dung phù hợp với quy định C Bộ luật dân sự, có đầy đủ các bên ký kết và được chứng thực. Việc thực hiện hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Tuy Nền trong quá trình điều tra xác minh, hiện tại thửa đất trên bà Bùi Thị T là mẹ đẻ anh Khiên đang quản lý và sử dụng, trên đất và nhà còn có con gái anh Khiên là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 13/01/2011 ở cùng bà T, do bà T là người đại diện cho cháu N. Anh Khiên đã chết ngày 07/5/2019. Hàng thừa kế thứ nhất C anh Khiên có bố đẻ là ông N VNều (chết năm 2008), bà Bùi Thị T (mẹ đẻ) vợ là V T L và con gái là cháu Nguyễn Ngọc N. Tòa án nhân dân huyện T M đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Bùi Thị T có quan điểm thửa đất hiện tại mang tên anh Khiên chị Lữ có nguồn gốc là C bà và ông Nều, khi ông Nều chết không để lại di chúc, ông Nều không cho anh Khiên đất, hiện tại thửa đất trên vẫn thuộc quyền sở hữu C bà T. Bà không đồng ý để ngân hàng TMCP SCB trường hợp chị Lữ không trả được nợ ngân hàng sẽ đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại. Tòa án nhân dân huyện T M đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Đ K, Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T M xác định: Sau khi ông Nều chết năm 2008, bà T và các con đã làm thủ tục thừa kế chuyển quyền sử dụng đất C bà T, ông Nều sang cho anh N VKhiên (bà T xác định chữ ký C bà trong đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, biên bản cam đoan, biên bản họp gia đình là C bà, chữ ký trong văn bản từ chối nhận di sản thừa kế C các con bà là đúng) nhưng bà và các con bà không ký tại UBND xã Đ K. UBND xã Đ K và Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác định việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông Nều, bà T sang cho anh Khiên và việc sau khi anh Khiên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sát nhập thành T sản chung C vợ chồng là đúng trình tự, thủ tục và quy định C luật đất đai. Hiện tại bà T không có T liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc bà không đồng ý cho anh Khiên đất. Mặt khác khi anh Khiên chị Lữ vay vốn ngân hàng SCB, anh Khiên chị Lữ đã cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hợp pháp, ngân hàng đã kiểm tra hiện trạng sử dụng và không có tranh chấp gì nên đã đồng ý và làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với anh Khiên, chị Lữ do vậy cho dù

bà T có không cho đất anh Khiên thì ngân hàng SCB vẫn được xác định là người thứ 03 ngay tình trong giao dịch dân sự. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh Khiên, chị Lữ với ngân hàng SCB phát sinh hiệu lực. Nếu chị Lữ không trả được nợ ngân hàng SCB thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại T sản anh Khiên, chị Lữ đã thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**. Anh Khiên đã chết, anh Khiên chị Lữ cùng ký hợp đồng vay mượn, chị Lữ tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện,

Đối với 02 thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gồm: Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 10/8/2017, anh Khiên, chị Lữ ngoài việc sử dụng T sản là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, diện tích 332 m² địa chỉ thửa đất: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D mang tên N VKhiên và V T L cho hợp đồng tín dụng số **LD1632300198 ký ngày 18/11/2016** Còn bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số LD 1722200198 ký ngày 10/08/2017; Thỏa thuận Sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 10/8/2017, anh N VC, chị Phạm Thị H ngoài việc sử dụng T sản là thửa số 15 tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: xã Đ K, huyện T M, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh H D), diện tích 200m² và T sản có trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 82911 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 250/QSDĐ ngày 30/12/1996 mang tên N VC để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng giữa anh N VKhiên, chị V T L với ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín LD 1612000107 ngày 29/4/2016, anh Khiên chị Lữ vay 250.000.000đ tiền gốc còn đảm bảo thêm cho hợp đồng tín dụng LD 1722200198 ký ngày 16/08/2017. Tuy Nên đây là trường hợp bổ sung T sản bảo đảm, thay đổi nội dung khác đã ký kết thuộc trường hợp phải đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký. Nhưng anh Khiên, chị Lữ, anh C, chị H và Ngân hàng Saconbank đã không tiến hành đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 83 năm 2010 về đăng ký biện pháp bảo đảm, khoản 6 Điều 18, khoản 3 Điều 23 Nghị định 102/2017 C Chính Phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do vậy, việc ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không phát sinh hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xử lý T sản bảo đảm là quyền sử dụng đất C anh Khiên, chị Lữ, anh C, chị H nêu trên cho hợp đồng tín dụng LD 1722200198 anh Khiên, chị Lữ ký ngày 10/08/2017.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn chị Lữ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với yêu cầu C nguyên đơn được chấp nhận.

Về chi phí xem xét, thẩm định Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định T sản nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 117, Điều 119; Khoản 1 Điều 299; Khoản 3 Điều 318; Điều 319; khoản 6 Điều 320; khoản 4 Điều 323; Khoản 1 Điều 325; khoản 1 Điều 357; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466, 468; Điều 615; Điều 658, khoản 1 Điều 288 BLDS năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13, Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

- Điều 12 Nghị định số 163 ngày 29/12/2006 Nghị định về giao dịch bảo đảm;

- Luật phí và Lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện C Ngân hàng SCB:

Buộc chị V T L phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ các hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016: Nợ gốc là 120.002.000đ, lãi trong hạn 62.585.299đ, lãi quá hạn 24.634.509đ. Tổng là **207.221.808đ**

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016; Số tiền gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 61.785.403đ, lãi quá hạn là 17.412.722đ. Tổng là **209.198.125 đ.**

+ Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017; Số tiền gốc số là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng là **133.856.167đ**

Tổng 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20/5/2022: gồm Số tiền gốc 335.002.000đ, lãi trong hạn 164.240,140đ, lãi quá hạn 51.033.961đ. Tổng **550.276.100đ.**

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Chị V T L tiếp tục phải chịu lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1612000107, ký ngày 29/4/2016; Hợp đồng tín dụng số **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017, giấy nhận nợ và các văn bản tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và **nợ lãi trong hợp đồng.***

2. Xử lý T sản bảo đảm:

- Trường hợp chị V T L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số: LD1612000107, ký ngày 29/4/2016 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý T sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1612000107/A bao gồm quyền sử dụng đất và T sản có trên đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn chủ sở hữu anh N VC và chị Phạm Thị H, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1996 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng LD1612000107.

- Trường hợp chị V T L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số: **LD1632300198**, ký ngày 18/11/2016 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý T sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **LD1632300198/A** tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là ông N VKhiên và bà V T L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng **LD1632300198**.

* Không chấp nhận yêu cầu C nguyên đơn ngân hàng SCB về việc xử lý T sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng bổ sung thế chấp dùng thửa đất thửa số 15, tờ bản đồ số 05, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn chủ sở hữu anh N VC và chị Phạm Thị H, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1996 và thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Thủ Pháp, xã Đ K, huyện T M, tỉnh H D diện tích 332m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, chủ sở hữu là ông N VKhiên và bà V T L cho hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số **LD1722200198**, ký ngày 10/8/2017: Số tiền gốc số là 85.000.000đ, lãi trong hạn là 39.869.438đ, lãi quá hạn là 8.986.729đ. Tổng là **133.856.167đ**

Trong trường hợp thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đủ thì chị Lữ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SCB.

3. Về án phí:

- Bị đơn chị V T L phải chịu 26.011.044 đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn ngân hàng SCB 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004076 ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T M.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là (Chị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T M;
- Chi cục THADS huyện T M;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái